



LÊN TIẾNG VỀ SỰ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

Nghiên cứu về nhận thức của người trẻ về sự phân biệt đối xử
tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh



Hà Nội
2019



LÊN TIẾNG VỀ SỰ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

*Nghiên cứu về nhận thức của người trẻ về sự phân biệt đối xử
tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh*



Hà Nội
2019

LỜI MỞ ĐẦU

“Tôn trọng ý kiến của trẻ em” là một trong 4 nguyên tắc chính nhằm bảo đảm thực thi các quyền của trẻ em. Theo đó, trẻ em phải được tự do bày tỏ ý kiến của mình và được tham gia một cách có ý nghĩa trong các quá trình ra quyết định những vấn đề có liên quan đến trẻ em. Hay nói cách khác - trước khi đưa ra các quyết định có liên quan đến trẻ em thì cần tham khảo ý kiến của trẻ em và xem xét tới những cảm nhận của trẻ, từ đó mới có thể đưa ra được những quyết định phù hợp, giúp đem lại “lợi ích tốt nhất cho trẻ”.

Là tổ chức phí chính phủ làm việc trong lĩnh vực quản trị quyền trẻ em, Viện Nghiên cứu Quản lý Phát triển bền vững (MSD) luôn coi trọng việc tạo môi trường an toàn và thuận lợi cho trẻ để trẻ được bày tỏ ý kiến, nguyện vọng về những vấn đề có liên quan đến trẻ. **“Nghiên cứu về nhận thức của người trẻ về phân biệt đối xử tại Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh”** chính là một trong những cơ hội để trẻ có thể bày tỏ quan điểm, suy nghĩ, nhận xét của mình về tình trạng phân biệt đối xử với trẻ em trong gia đình, nhà trường và cộng đồng, chia sẻ những cảm nhận của các em về sự phân biệt đối xử với tư cách là “người trong cuộc” hoặc “người chứng kiến”. Qua phản ánh của các em, vấn đề “phân biệt đối xử với trẻ em” được phác họa một cách rất chân thực và cụ thể, giúp chúng ta hình dung được rõ ràng hơn về nguồn gốc, bối cảnh nảy sinh hiện tượng phân biệt đối xử, ai phân biệt đối xử với ai, phân biệt đối xử được biểu hiện dưới những hình thức nào, có tác động như thế nào tới tâm tư, tình cảm và quan niệm sống của trẻ em. Đặc biệt, những cách phản ứng của trẻ khi bị phân biệt đối xử cũng được “người trong cuộc” chia sẻ một cách thành thực và tinh tế. Cũng từ lăng kính của mình, các em cũng đưa ra nhiều khuyến nghị, giải pháp để góp phần giảm thiểu tình trạng phân biệt đối xử với trẻ em. Đây sẽ là những gợi ý rất hữu ích cho cha mẹ, thầy cô và những người lớn quan tâm tới việc bảo đảm quyền được bảo vệ của trẻ em trước các hình thức phân biệt đối xử.

MSD trân trọng gửi lời cảm ơn tới 2 tư vấn Phạm Thị Thu Phương, Hoàng Thu Trang cùng nhóm điều tra viên ở Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh đã thực hiện nghiên cứu này với rất nhiều nỗ lực, từ việc lựa chọn và tiếp cận các trẻ để phỏng vấn, hướng dẫn thảo luận nhóm, đến việc xử lý, tổng hợp thông tin, phân tích và viết báo cáo khảo sát. Chúng tôi cũng xin bày tỏ sự biết ơn tới nhà tài trợ - Tổ chức Cứu trợ trẻ em quốc tế - đã hỗ trợ kinh phí cho nghiên cứu này. Và lời cảm ơn đặc biệt nhất – chúng tôi xin gửi tới 56 trẻ em đã tham gia nghiên cứu và không ngần ngại bày tỏ quan điểm, tâm tư, nguyện vọng của các em về vấn đề phân biệt đối xử với trẻ em.

Nghiên cứu này được thực hiện lần đầu nên chắc chắn không tránh khỏi nhiều thiếu sót. MSD rất mong nhận được sự quan tâm và những ý kiến đóng góp của Quý độc giả!

Viện trưởng
Nguyễn Phương Linh

10	Danh mục từ viết tắt
11	PHẦN 1. GIỚI THIỆU
13	PHẦN 2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU
14	2.1. Mục tiêu nghiên cứu
14	2.2. Câu hỏi nghiên cứu
14	2.3. Khách thể nghiên cứu
15	2.4. Phương pháp chung
15	2.5. Phương pháp thu thập dữ liệu
16	2.6. Phương pháp xử lý dữ liệu
16	2.7. Chọn mẫu
17	2.8. Tiến trình nghiên cứu
18	2.9. Giới hạn trong nghiên cứu
19	2.10. Đạo đức trong nghiên cứu
20	PHẦN 3. TRẢI NGHIỆM VỀ PBĐX
23	3.1. PBĐX là gì?
25	3.2. Nguồn gốc dẫn đến sự PBĐX là gì?
30	3.3. Ai PBĐX với ai?
31	3.4. PBĐX xảy ra ở đâu?
32	3.5. PBĐX thể hiện ở những hình thức nào?
33	3.6. PBĐX “tích cực” hay “tiêu cực”?
33	3.7. PBĐX mang lại điều gì?
34	3.8. Phản ứng đối với sự PBĐX ra sao?
35	PHẦN 4. SỰ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VÀ QUYỀN TRẺ EM
37	PHẦN 5. KẾT LUẬN
40	PHẦN 6. KHUYẾN NGHỊ
41	6.1. Khuyến nghị và giải pháp được người trẻ đưa ra
43	6.2. Khuyến nghị từ nhóm nghiên cứu
45	TÀI LIỆU THAM KHẢO

Những quan điểm thể hiện trong báo cáo này thuộc về hai Tư vấn được Trung tâm Nghiên cứu quản lý và Phát triển bền vững (MSD) mời thực hiện nghiên cứu này là: Phạm Thị Thu Phương và Hoàng Thu Trang, không nhất thiết thể hiện quan điểm của MSD và tổ chức Cứu trợ trẻ em Quốc tế (Save the Children International).

Gợi ý trích dẫn: Phạm Thị Thu Phương và Hoàng Thu Trang (2018) Lên tiếng về sự PBĐX: Nghiên cứu về nhận thức của người trẻ về sự PBĐX tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh. Trung tâm Nghiên cứu quản lý và Phát triển bền vững (MSD), Hà Nội.

Các ý kiến đóng góp xin gửi về:

*Phạm Thị Thu Phương, email: ptp110@gmail.com, và/ hoặc
Hoàng Thu Trang, email: hoangtrangvn@gmail.com*

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

CRC	Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em
LGBT	Cộng đồng những người đồng tính luyến ái nữ (Lesbian), đồng tính luyến ái nam (Gay), song tính luyến ái (Bisexual) và hoán tính hay còn gọi là người chuyển giới (Transgender)
MSD	Trung tâm Nghiên cứu quản lý phát triển bền vững
QTE	Quyền Trẻ em
PBĐX	Phân biệt đối xử
PVS	Phỏng vấn sâu
UNICEF	Quỹ nhi đồng Liên Hợp quốc
SCI	Save the Children International - Tổ chức cứu trợ Trẻ em quốc tế
TLN	Thảo luận nhóm

PHẦN 1:

GIỚI THIỆU



Việt Nam đã phê chuẩn Công ước của Liên Hợp quốc về Quyền trẻ em (CRC) năm 1989, từ đó đến nay, Nhà nước Việt Nam mỗi 5 năm đều có nghĩa vụ báo cáo lên Ủy ban CRC về thực thi CRC tại Việt Nam. Năm 2017 là thời điểm Chính phủ Việt Nam thực hiện nghĩa vụ gửi báo cáo của mình lên Ủy ban CRC. Cùng với báo cáo của Nhà nước, Ủy ban CRC cũng xem xét đến báo cáo thực thi CRC tại Việt Nam của các bên liên quan khác bao gồm của các tổ chức xã hội làm việc tại Việt Nam.

Không PBĐX là một trong những nguyên tắc xuyên suốt trong CRC nói riêng và trong những công ước và công cụ khác về quyền con người của Liên hợp quốc (UN) nói chung. Tuy vậy, “không PBĐX” và “bình đẳng” có thể được hiểu và biểu hiện trong thực tế rất đa dạng, tùy từng đối tượng và trong những điều kiện cụ thể.



Cùng với nỗ lực của Chính phủ, các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế, các nhà hoạt động xã hội..., các thầy cô, cha mẹ, những người làm công tác liên quan đến trẻ em và bản thân trẻ em đã có nhận thức tốt hơn về QTE. Tuy nhiên, việc nghe nói và được phổ biến về QTE trên diện rộng hiện nay chưa thể đảm bảo việc hiểu về QTE một cách cặn kẽ, rõ ràng và vận dụng tốt trong thực tế.

Trong các nguyên tắc về QTE được nêu trong CRC, tương tự như trong rất nhiều các văn bản quốc tế về nhân quyền, về chống PBĐX phụ nữ và trẻ em, quyền của người khuyết tật..., nguyên tắc không PBĐX là một nguyên tắc xuyên suốt và cần được đảm bảo trong tất cả các lĩnh vực cũng như trong việc thực hiện các quyền khác. Do đó, nghiên cứu này là một nỗ lực nhằm tìm hiểu rõ hơn người trẻ tại Việt Nam, cụ thể là tại thành phố Hà Nội và Hồ Chí Minh đang hiểu như thế nào về PBĐX cùng quan điểm và trải nghiệm của họ về vấn đề này.

PHẦN 2:

PHƯƠNG PHÁP

NGHIÊN CỨU



2.1. Mục tiêu nghiên cứu

Nghiên cứu về nhận thức của người trẻ về “PBĐX” tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh nhằm tìm hiểu về nhận thức và những trải nghiệm của người trẻ về “PBĐX”, “không PBĐX” dưới cách tiếp cận quy nạp.

Kết quả nghiên cứu sẽ được sử dụng để thúc đẩy một môi trường sống toàn diện, không PBĐX, hoà nhập với mọi trẻ em và người trẻ.

2.2. Câu hỏi nghiên cứu

Một số câu hỏi đặt ra trong nghiên cứu là:

- 1 - Những người trẻ tham gia nghiên cứu hiểu như thế nào về PBĐX?
- 2 - Lí do, những yếu tố tác động (thúc đẩy hay ngăn cản) đến những trải nghiệm PBĐX?
- 3 - Cách thức những người trẻ ứng phó với những trải nghiệm (trải nghiệm theo nghĩa rộng bao gồm bản thân đã từng trải qua: bị PBĐX (tốt hơn/kém hơn người khác)/có hành vi PBĐX, nghe kể, chứng kiến) PBĐX?

2.3. Khách thể nghiên cứu

Các văn bản quốc tế định nghĩa trẻ em là những người dưới 18 tuổi. Tuy nhiên, Luật Trẻ em Việt Nam định nghĩa trẻ em là những người dưới 16 tuổi. Do đó, nghiên cứu này sử dụng thuật ngữ “người trẻ” cho khách thể là những người từ 10 đến dưới 18 tuổi tại Việt Nam. Tương tự như vậy, khi đề cập các văn bản quốc tế trong phạm vi báo cáo này thì trẻ em vẫn được hiểu là những người dưới 18 tuổi.

2.4. Phương pháp chung

Kết hợp sử dụng phương pháp xây dựng lý thuyết quy nạp (grounded theory) và phương pháp nhân học nhằm thu thập thông tin về nhận thức của trẻ em về PBĐX. Kỹ thuật thu thập thông tin là PVS và TLN, đảm bảo hạn chế tối đa việc gợi ý trẻ trả lời hay định hướng trả lời theo ý hiểu của người phỏng vấn. Người phỏng vấn mang một cái đầu “trống rỗng” và quên hết các định nghĩa cũng như quan điểm, định kiến của bản thân về PBĐX. Người phỏng vấn chỉ giúp tạo môi trường cởi mở, bảo mật, khuyến khích để trẻ tự nêu lên quan điểm chân thật nhất của mình. Nguyên tắc được sử dụng trong nghiên cứu là chấp nhận tất cả quan điểm của trẻ, không đánh giá đúng sai hay nêu quan điểm, đánh giá cá nhân của mình khi phỏng vấn.

Phương pháp xây dựng lý thuyết quy nạp (grounded theory) là phương pháp xuyên suốt nghiên cứu, không chỉ nằm trong khâu thu thập dữ liệu. Với phương pháp xây dựng lý thuyết cơ sở này, đáp viên được coi là trung tâm, phản ánh những quan điểm, nhận thức của họ về vấn đề. Vai trò của nhà nghiên cứu là người học, học hỏi nhiều nhất có thể từ những lời nói, nhận thức của đáp viên. Đáp viên là những người có nhiều trải nghiệm và quan điểm của mình. Do thế, những phát hiện trong nghiên cứu được phát triển từ những dữ liệu thu thập phản ánh thực tế, hiện trạng đang xảy ra.

Vì sao phương pháp này được sử dụng với trẻ em?

Phương pháp nghiên cứu này nhấn mạnh đến tính cởi mở, linh động do vậy thích hợp với trẻ em. Trẻ em thường được nhìn như một cá thể phụ thuộc, chịu chi phối bởi người lớn, do vậy, sử dụng phương pháp này, vai trò của trẻ em được đề cao để trẻ em có thể tự do thể hiện quan điểm, chính kiến, suy nghĩ của mình về PBĐX mà không e ngại đến những đánh giá, chuẩn mực của người phỏng vấn. Phương pháp nghiên cứu này nhấn mạnh đến những trải nghiệm (trải nghiệm theo nghĩa rộng bao gồm bản thân đã từng trải qua: bị PBĐX (tốt hơn/kém hơn người khác)/có hành vi PBĐX, nghe kể, chứng kiến).

2.5. Phương pháp thu thập dữ liệu

Phương pháp thu thập dữ liệu là phương pháp định tính. Với số mẫu là 60 người, được thực hiện qua công cụ PVS bằng bảng hỏi và TLN tập trung.

2.6. Phương pháp xử lý dữ liệu

Phương pháp xử lý số liệu là phương pháp quy nạp, báo cáo kết quả nghiên cứu sẽ chỉ phản ánh khách quan các quan điểm của trẻ. Những quan điểm này được dẫn chiếu, so sánh đến khái niệm về „PBĐX” được đề cập trong các văn bản nhân quyền, đặc biệt trong Công ước quốc tế QTE.

2.7. Chọn mẫu

Dựa trên phương pháp xây dựng lý thuyết quy nạp (grounded theory), việc chọn mẫu không chỉ chú ý đến người trả lời, đồng thời, còn chú ý đến sự kiện và bối cảnh. Do vậy, người trả lời trong nghiên cứu đến từ những bối cảnh khác nhau: trong nhà trường, ngoài nhà trường, v.v.

Đối tượng: Người trẻ tuổi từ 10 đến dưới 18 tuổi tức sinh từ năm 2000 đến 2008 và bảo đảm tỷ lệ trẻ nam/trẻ nữ nên 50/50 hoặc 60/40. Việc lựa chọn người từ 10 tuổi trở lên căn cứ vào các kết quả nghiên cứu cho thấy 92% người từ 10 tuổi trở lên có thể hiểu được nội hàm khái niệm PBĐX (Brown & Bigler, 2005).

- Địa bàn: chọn 02 thành phố Hà Nội và TP Hồ Chí Minh

- Tại mỗi thành phố: lựa chọn PVS và TLN với trẻ từ 10 đến dưới 18 tuổi (các nghiên cứu đã tiến hành (xem Brown & Bigler, 2005) chỉ ra khoảng 97% trẻ từ 10 tuổi có thể hiểu được khái niệm PBĐX). Tại mỗi thành phố nên có ít nhất 1 cuộc PVS với trẻ không đến trường (hệ thống trường chính thống).

- Tại mỗi thành phố cần có ít nhất 1 cuộc PVS với trẻ khuyết tật, trẻ xuất thân từ gia đình có điều kiện khó khăn, nhóm trẻ dễ bị tổn thương.

Quá trình nghiên cứu đã thực hiện được 2 cuộc TLN (1 cuộc tại Hà Nội: 5 trẻ tham gia; 1 cuộc tại Tp. Hồ Chí Minh: 6 trẻ tham gia) và 45 cuộc PVS đối với 21 trẻ tại TP. Hồ Chí Minh và 24 trẻ tại Hà Nội (tỷ lệ Nam/Nữ là 18/27).

2.8. Tiến trình nghiên cứu

Thiết kế bảng hỏi cho phỏng vấn bán cấu trúc Dựa trên phương pháp nghiên cứu đã được lựa chọn, nhằm có thể thu thập được thông tin thật nhất từ trẻ. Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phỏng vấn bán cấu trúc. Theo đó, bảng hỏi cho phỏng vấn bán cấu trúc được xây dựng với câu hỏi có độ mở cao, ngôn từ dễ hiểu và trực tiếp nhằm đảm bảo thu thập được lượng thông tin lớn nhất của trẻ.

Nhằm kiểm tra lại bảng hỏi, buổi phỏng vấn bán cấu trúc thử đã được thực hiện với trẻ em. Sau buổi phỏng vấn thử này, nhóm nghiên cứu cùng nhau chỉnh sửa và đưa ra bảng hỏi cuối cùng.

Thu thập dữ liệu Thu thập dữ liệu theo phương pháp xây dựng lý thuyết quy nạp (grounded theory) không nhằm mục đích chọn lọc hay kiểm chứng những lý thuyết sẵn có.

Sau khi hoàn thiện phương pháp nghiên cứu bao gồm lựa chọn mẫu với những đặc điểm như đã nêu ở trên và thiết kế câu hỏi gợi ý cho buổi phỏng vấn, nhóm nghiên cứu đã trực tiếp tìm kiếm, nhờ giới thiệu với trẻ và gia đình trẻ. Nhóm nghiên cứu liên hệ với trẻ và người bảo trợ trẻ để xin phép phỏng vấn. Giấy đồng thuận được đọc và giải thích với trẻ và người bảo trợ của trẻ, trong trường hợp trẻ dưới 15 tuổi, người bảo trợ cùng ký tên vào giấy đồng thuận.

Điều tra viên được tuyển dụng và được tập huấn về bảng hỏi, quy trình thực hiện phỏng vấn, đạo đức trong nghiên cứu và những lưu ý để đảm bảo tính bảo mật, thân thiện với trẻ em

Mã hoá và phân tích dữ liệu Phương pháp nghiên cứu xây dựng lý thuyết quy nạp pha trộn quá trình thu thập dữ liệu và phân tích¹. Trong thời điểm thu thập dữ liệu, nhóm nghiên cứu không chỉ nghe lại, làm sạch dữ liệu mà đồng thời cũng đưa ra những phân tích sơ bộ, mã hoá ban đầu chủ yếu theo bảng hỏi. Đặc biệt trong giai đoạn phân tích, nhóm nghiên cứu cũng vừa quay trở lại quá trình thu thập dữ liệu, gỡ băng và sau đó phân tích dữ liệu. Tiến trình nghiên cứu dựa theo phương pháp nghiên cứu này không theo những bước xác định, mặc dù vẫn có những giai đoạn tập trung chủ yếu vào thu thập dữ liệu hay phân tích dữ liệu.

(1) Online learning Centre – Mc Graw Hill Education:
<https://www.mheducation.co.uk/openup/chapters/9780335244492.pdf>

Theo tư tưởng này, trong quá trình thu thập dữ liệu, nhóm nghiên cứu cũng liên tục liên hệ với phỏng vấn viên để đưa ra những hướng dẫn cụ thể, sau đó, triển khai tiếp quá trình thu thập dữ liệu.

Phân nhóm và mã hoá trong phân tích, ở bước ban đầu, những nhãn được mã hoá được chia theo bảng hỏi và mang đặc tính miêu tả như sau: Định nghĩa về PBDX; Trải nghiệm về PBDX; Lý do của sự PBDX; Hình thức của PBDX; Hệ quả của PBDX.

Theo đó, nhóm tiếp tục thực hiện tiến trình mã hoá để xác định những nhãn nhỏ hơn và mang tính chất phân tích nhiều hơn. Đặc biệt, ở phần này, những nhãn xuất hiện trực tiếp dựa trên thông tin thu thập được. Những nhãn này được kết nối với nhau để tạo ra những chủ đề/nhãn mới có tính liên kết

Với đặc điểm của phương pháp nghiên cứu này, những nhãn này không nhất thiết phải được lấy từ những nghiên cứu tương tự hoặc trước đó, thay vào đó, nhãn có thể được trích dẫn trực tiếp từ những lời nói của người tham gia phỏng vấn. Trong quá trình mã hoá, việc phân tích so sánh diễn ra thông qua việc đối chiếu sự giống và khác nhau giữa các nhãn trong quá trình mã hoá.

Phân tích so sánh: Trong quá trình mã hoá, việc phân tích so sánh diễn ra thông qua việc đối chiếu sự giống và khác nhau giữa các nhãn trong quá trình mã hoá. Sau đó, quá trình này thông qua việc đối chiếu với những văn bản liên quan đến QTE, tập trung chủ yếu trong Công ước Quốc tế về QTE (CRC).

Viết báo cáo Báo cáo được viết nhằm đảm bảo tiếng nói của người trẻ được thể hiện một cách tối đa. Phần phát hiện của báo cáo được trình bày theo những "nhãn" và "mã" đã được phân tích như đề cập ở trên.

Ngoài ra, trẻ em là người nêu lên vấn đề đồng thời cũng là những người gợi ý các giải pháp. Do vậy, phần khuyến nghị thể hiện tiếng nói của trẻ em, hai tác giả không trình bày thêm ở phần này.

2.9. Giới hạn trong nghiên cứu

Đây là nghiên cứu sử dụng phương pháp định tính trên quy mô nhỏ nên kết quả phân tích không có giá trị đại diện cho những quy mô dân số lớn hơn. Kết quả nghiên cứu tập trung vào trình bày những khía cạnh khác nhau trong cách hiểu về PBĐX cũng như khám phá quan niệm của người trẻ về PBĐX.

2.10. Đạo đức trong nghiên cứu

Thiết kế nghiên cứu đảm bảo những rủi ro đối với người tham gia nghiên cứu là nhỏ nhất và nhỏ hơn các lợi ích mà nghiên cứu mang lại cho người trẻ nói chung. Nhà nghiên cứu và phỏng vấn viên cam kết tôn trọng tất cả người trẻ tham gia nghiên cứu và không tiết lộ những thông tin liên quan tới người tham gia nghiên cứu với bất kì ai khác. Nhà nghiên cứu cũng cam kết sử dụng tối đa và nguyên gốc những ý kiến của người trẻ thông qua trích dẫn trực tiếp câu nói của họ.

QUY TẮC VỀ KHÔNG PBĐX CỦA CRC

CRC có 54 điều cùng 4 nguyên tắc cơ bản xuyên suốt. Trong đó, không PBĐX là một nguyên tắc được quy định trong điều 2: Trẻ em không bị phân biệt dưới bất kì hình thức nào không kể chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quốc tịch, dân tộc, gốc gác, xuất thân, tài sản, tư tưởng chính trị, địa vị xã hội, hay do bị khuyết tật (Unicef, 2007; Sheahan, 2008).

Do trong tất cả các xã hội, trẻ em có ít quyền lực hơn người lớn nên là đối tượng dễ bị tổn thương và dễ bị PBĐX, Save the Children International đã bổ sung một số khía cạnh khác có

thể khiến trẻ dễ bị PBĐX gồm: giới tính, tuổi, nghề nghiệp cha mẹ, tôn giáo và ngôn ngữ của cha mẹ, do bị khuyết tật hoặc bố mẹ bị khuyết tật, tình trạng sức khỏe, tộc người, người tị nạn, nơi sinh sống, tầng lớp xã hội (Sheahan, 2008).

Trong Luật Nhân quyền quốc tế: Thuật ngữ PBĐX được hiểu là bất cứ sự phân biệt, loại bỏ, hạn chế hay ưu tiên dựa trên những khác biệt về các đặc điểm cá nhân như đã nêu ở điều 2 trong CRC.

PHẦN



TRẢI NGHIỆM VỀ PBDX

Nghiên cứu này đã cố gắng tối đa lựa chọn nhiều người trẻ với xuất thân, điều kiện gia đình và cá nhân khác nhau vào mẫu nghiên cứu để có thể phản ánh đầy đủ nhất những trải nghiệm về PBĐX đối với người trẻ hiện nay cũng như lý do đằng sau những trải nghiệm đó.

Trải nghiệm ở đây được hiểu theo nghĩa rộng, theo đó, việc người trẻ chứng kiến, nghe kể hay trực tiếp tham gia vào một tình huống cụ thể.

TRẢI NGHIỆM CỦA NHỮNG NGƯỜI XUNG QUANH

Các đáp viên trước tiên được hỏi về trải nghiệm của bạn bè và người khác về PBĐX, sau đó mới tới trải nghiệm của riêng họ.

“Việc PBĐX được chứng kiến là một bạn nam ghét bạn nữ nên gây ra hiện tượng đánh nhau. Lý do là bạn nữ yếu ớt, dễ bị bắt nạt” (nam, 2006, Hà Nội).

“Có một bạn bị tự kỷ, lúc sinh ra rất bình thường nhưng bị biến cố năm 4 tuổi nên bị trở nên tự kỷ. Các bạn lớp khác trêu chọc bạn ấy” (nam, 2002, Hà Nội).

“Em đã từng thấy bạn Đạt là người miền Bắc bị mọi người PBĐX về giọng nói gọi bạn là “Bắc kì lai”. Do các bạn nghe giọng lạ và cảm thấy bị chướng tai. Bạn Thành bị phân biệt giới tính, tuy là nam nhưng tính cách giống nữ, vì bạn thích chơi chung nhóm con gái, và rất ít chơi chung con trai nên bị bạn bè kêu và chửi là Bê đê, gay, đàn bà” (nam, 2004, thành phố Hồ Chí Minh).

TRẢI NGHIỆM CỦA BẢN THÂN

Những trải nghiệm này cũng thể hiện ở nhiều khía cạnh của cuộc sống mà ở tuổi như họ dễ dàng có thể nhận biết. PBĐX có thể do năng lực học tập khác nhau, tình trạng sức khỏe hay điều kiện kinh tế của mỗi người. PBĐX có thể xảy ra trong gia đình, trong nhà trường hoặc ở những nơi khác.

“Còn có một lần khác, khi em cùng với một bạn trong lớp rủ nhau trốn tập thể dục, kết quả là cả hai đều bị ghi vào sổ đầu bài. Nhưng hôm sau khi cô chủ nhiệm phạt thì chỉ có mình bạn kia bị phạt còn em thì do là lớp trưởng cho nên không bị cô phạt” (nữ, 2003, HN).

“Ông bà nội thiên vị, thương anh em hơn em. Bố mẹ em nói, lúc anh em sinh ra, ông bà nội chăm anh em. Lúc em sinh ra bị vậy (dị tật bẩm sinh hở hàm ếch), nên ông bà em lại không chăm sóc” (TLN, thành phố Hồ Chí Minh).

“Những người khác được đối xử tốt hơn em, các bạn khác chơi thân với nhau, mua đồ ăn cho nhau. Em muốn được đối xử bình đẳng hơn, chơi với nhau không nên đánh nhau”. (nữ, 2003, Hà Nội, con của người có HIV)

Những câu chuyện về những trải nghiệm liên quan đến sự PBĐX sẽ lần lượt được kể trong các phần tiếp theo.

3.1. PBĐX là gì?

Với phương pháp thu thập thông tin được đề cập ở phần trên, những người phỏng vấn khuyến khích người trẻ đưa ra định nghĩa của riêng họ về PBĐX mà không có bất cứ một gợi ý nào.

Nhìn chung, nhóm người trẻ trong mẫu nghiên cứu đã có những hiểu biết nhất định về PBĐX và có thể đưa ra định nghĩa về PBĐX dựa trên việc nêu lên nội hàm của khái niệm, đề cập tới khái niệm đồng nghĩa hoặc trái nghĩa và đưa ra những ví dụ cụ thể.

Được nhìn nhận thông qua hành động, PBĐX là:

Đối xử không công bằng

“Là đối xử không công bằng giữa mọi người với nhau” (nữ, 2001, Hà Nội)

Đối xử không bình đẳng – Thiên vị

“Là sự đối xử không bình đẳng giữa người với người, có sự thiên vị cho ai hơn ai” (nữ, 2003, Hà Nội)

“Là thiên vị, đối xử tốt với người này, trái ngược với người kia, không công bằng” (TLN, TP Hồ Chí Minh).

Phân biệt

“Là phân biệt giữa người này với người khác, da đen – da trắng, con gái – con trai” (nam, 2006, Hà Nội)

“Phân biệt giữa nam và nữ, giữa người khuyết tật và người không khuyết tật” (nam, 2004, Hà Nội)

Được thể hiện thông qua việc thể hiện cảm xúc, PBĐX là:

Thương người này hơn thương người kia

“Là thương người này, ghét người kia, đối xử không công bằng” (nữ, 2002, TP Hồ Chí Minh)

Trái nghĩa với PBĐX

Về đối xử

“Là đối xử công bằng” (TLN, Hà Nội)

“Là đối xử hòa đồng với nhau”
(nam, 2006, Hà Nội)

“Là được đối xử như nhau”
(nam, 2000, Hà Nội)

Về sự yêu thương

“Trái ngược với PBĐX là hòa đồng vui vẻ với mọi người, nói chuyện bình thường ... Ai em cũng quý, ai em cũng hòa đồng vui vẻ, em ko ghét bỏ ai hết” (Nữ 2003, Hà Nội, con của người có HIV).

Ví dụ của việc PBĐX

“Là phân biệt giữa nam và nữ, giữa người khuyết tật và người không khuyết tật”
(nam, 2004, Hà Nội, trẻ khiếm thị).

“Là trọng người giàu, phân biệt giàu nghèo, trọng nam khinh nữ” (nam, 2002, Hà Nội)

“Ở một số nơi phụ nữ không được coi trọng, ... người học giỏi hay được ưu tiên hơn, ... người dị tật sẽ bị PBĐX so với những người bình thường khác” (TLN, Hà Nội).

Những người tham gia phỏng vấn còn mở rộng các ví dụ về PBĐX và liệt kê được một số trường hợp dễ phát sinh sự PBĐX như khác biệt về màu da, khác biệt về vùng miền, về điều kiện kinh tế, về xu hướng tính dục...

“Đi học không có tiền đóng học phí, đi học không có người chơi cùng”
(nữ, 2000, TP HCM).

“Người LGBT bị thiên vị, không được tôn trọng, bị chửi nhiều” (TLN, TP HCM).

“Ở trường, các bạn nhà giàu hay phân biệt các bạn nhà nghèo” (nữ, 2003, HN).

“Kiểu người miền Bắc có sự PBĐX với người Thanh Hóa” (nữ, 2002, HN).

3.2. Nguồn gốc dẫn đến sự PBĐX là gì?

Được đề cập đến trong các cuộc phỏng vấn, PBĐX liên quan đến sự khác biệt về bản dạng như tình trạng khuyết tật, giới tính, xu hướng tính dục, màu da, dân tộc; ngoài ra còn liên quan đến các yếu tố khác như điều kiện kinh tế của gia đình (giàu, nghèo), nơi chốn xuất thân, khả năng học tập, chức vụ trong lớp, hình dáng cơ thể; ...

Thông qua những thông tin mà đáp viên chia sẻ không nằm ngoài những liệt kê đã được các tổ chức quốc tế như UNICEF, SCI nhận diện trong các báo cáo đã xuất bản cũng như trong nội dung của CRC, song đôi lúc cụ thể, chi tiết tùy thuộc vào từng bối cảnh xảy ra sự PBĐX. Sự PBĐX có thể bắt nguồn từ ngoại hình khác biệt, điều kiện sức khỏe, bị khuyết tật, điều kiện kinh tế, học lực, vùng miền, dân tộc, giới tính...

“Trọng nam khinh nữ” là yếu tố của hầu hết các câu chuyện kể liên quan đến PBĐX.

“Em có 1 thằng em mà bố em rất chiều nó, nó suốt ngày được đi chơi còn em sắp thi rồi nên không được đi chơi. Bố mẹ em đi vắng là em mắng, em chửi em hành hạ nó. Khi bố mẹ nhà thi tốt nhất em sẽ lơ nó đi. Em ghét nó. Nó là con trai, bố mẹ em trọng nam khinh nữ. Bố mẹ em thường bảo “Để con trai sau này nó còn có con dâu về giúp việc, để con gái sau này nó lớn nó tốn đi lấy chồng hết”.
(nữ, 2003, con của người có HIV, TPHCM)

Sự PBĐX do là dân tộc thiểu số.

“Mấy bạn nam trong trường thường gọi em là người Khmer. Em không hiểu vì sao mấy bạn chọc, có lẽ là vì mình khác lạ, trong lớp không ai giống mình. Em muốn bạn gọi tên của mình, chứ không đem dân tộc của mình ra đùa giỡn”
(nữ, 2002, TPHCM).

Vùng miền cũng là một trong những nguồn gốc của sự PBĐX.

“Hồi em học lớp 5 thì bố mẹ em chuyển công tác từ Nghệ An lên Hà Nội. Ban đầu thì em chưa quen, chưa nói được giọng phổ thông nên em thấy một số bạn hàng xóm kì thị giọng nói của em” (nữ, 2002, Hà Nội).

UNICEF đã liệt kê nguồn gốc của sự PBĐX và nhóm trẻ bị ảnh hưởng bởi sự PBĐX dựa trên các báo cáo thực thi quyền trẻ em như sau :

1. Giới;
2. Tình trạng khuyết tật;
3. Chứng tộc, tính bài ngoại, kỳ thị chủng tộc;
4. Nguồn gốc dân tộc;
5. Xu hướng tính dục;
6. Thuộc về nhóm bộ lạc nhất định, nhóm đẳng cấp;
7. “Không hữu hình”;
8. Ngôn ngữ;
9. Trẻ em không có giấy khai sinh;
10. Trẻ sinh đôi;
11. Trẻ sinh vào ngày không tốt lành;
12. Trẻ được sinh ra trong điều kiện bất thường;
13. Chính sách một con hay con thứ ba;
14. Trẻ mồ côi;
15. Nơi cư trú như khác biệt giữa các vùng miền, tỉnh thành, v.v; thành thị, nông thôn; trẻ sống trong khu ổ chuột; trẻ sống ở nơi vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; trẻ di cư; trẻ vô gia cư; trẻ bị bỏ rơi; trẻ sống trong các cơ sở chăm sóc thay thế; trẻ dân tộc thiểu số sống trong các cơ sở chăm sóc thay thế; trẻ buộc phải sống trong các trung tâm; trẻ em sống và làm việc trên đường phố;
16. Trẻ em có liên quan đến hệ thống pháp lý vị thành niên, đặc biệt, trẻ bị hạn chế tự do;
17. Trẻ em bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang;
18. Trẻ em lao động;
19. Trẻ em là đối tượng của bạo lực;

UNICEF đã liệt kê nguồn gốc của sự PBĐX và nhóm trẻ bị ảnh hưởng bởi sự PBĐX dựa trên các báo cáo thực thi quyền trẻ em như sau :

20. Trẻ em ăn xin;
21. Trẻ em bị ảnh hưởng bởi HIV/AIDS;
22. Trẻ em có cha, mẹ là người có HIV/AIDS;
23. Trẻ là con của bà mẹ trẻ đơn thân;
24. Trẻ em thiểu số như trẻ em thuộc nhóm di cư, trẻ em thuộc nhóm dân tộc thiểu số, trẻ thuộc nhóm người bản địa;
25. Trẻ không có quốc gia như: trẻ em nhập cư, trẻ em là con của người lao động di cư; trẻ em là con của người lao động di cư mùa vụ; trẻ tị nạn hoặc tìm kiếm sự tị nạn bao gồm trẻ không có người bảo hộ đi kèm;
26. Trẻ bị ảnh hưởng bởi thảm hoạ thiên nhiên;
27. Trẻ em sống trong nghèo đói;
28. Sự phân bố tài nguyên quốc gia bất cân bằng;
29. Hoàn cảnh xã hội;
30. Trẻ em bị ảnh hưởng bởi những vấn đề hoặc sự thay đổi của kinh tế;
31. Hoàn cảnh kinh tế của gia đình gây ra sự phân biệt trong trường học;
32. Tài sản của cha mẹ;
33. Tín ngưỡng của cha mẹ
34. Luật pháp quy định yếu tố cá nhân dựa trên yếu tố;
35. Trẻ là con ngoài giá thú;
36. Trẻ trong gia đình cha/mẹ đơn thân;
37. Trẻ được sinh ra do sự loạn luân;
38. Trẻ có cha mẹ là những người có nguồn gốc dân tộc hoặc quốc tịch khác nhau.

Tuy nhiên, sự PBĐX không chỉ xảy ra do một yếu tố đơn lẻ, mà còn do nhiều yếu tố hoặc một nhóm các yếu tố liệt kê ở trên. Câu chuyện dưới đây thể hiện rõ ràng về sự PBĐX xảy ra do nhiều yếu tố bao gồm: giới, tài sản của cha mẹ, tình trạng khuyết tật; hoàn cảnh kinh tế của gia đình:

“Chị gái em ngày xưa bị PBĐX. Em ngồi với mọ (cụ em) toàn ăn đồ ngon, chị em toàn ăn đồ sau như kiểu người hầu ngày xưa. Em sang xin cho cả gói đường, chị em sang xin không cho thìa nào còn đuối về. Vì trọng nam khinh nữ của các cụ từ ngày xưa giờ vẫn thế. Lúc đó em 5 tuổi, chị em 6 tuổi, ăn cơm thì ăn sau. Hôm nào mọ ngồi mâm trên thì cùng ăn chung, hôm nào mọ xuống dưới ngồi thì một số người toàn phải ăn sau như mẹ em, chị em. Các người nam thì ngồi cùng mọ gái (cụ gái) ngồi trên ăn, mẹ với chị gái em ăn sau. Chị ý thường cảm thấy buồn, không thoải mái, không vui, ghen ghét toàn hỏi bố “Sao bố thiên vị nó không thiên vị con”. Bố em trả lời “Vì mọ mày bảo thế nên tao biết thế”. Em được PBĐX trong gia đình, chị em bị PBĐX. Em được ăn ngon, mặc sướng, mặc đồ đẹp đồ mới, muốn gì được đấy. Chị gái không được như thế.

Mấy đứa nhà giàu nó chửi mấy đứa nhà nghèo như gì luôn. Có một số đứa nhện quen rồi còn một số đứa là nó táng nhau luôn, như em là em táng luôn. Có những đứa ra ngoài nó chửi “Bố mẹ mày nghèo kia” nó chửi loạn xạ ngậy hết cả lên. Bố mẹ nó kiếm được tiền, em bảo “Để xem nhà mày giàu được mấy kiếp”,

hôm nào bực quá em mới solo. Lúc đấy em đang ở nhà chuẩn bị đi học khoảng 6,7 tuổi. Những đứa đấy cùng quê em, quê em nhiều đứa nhà nghèo lắm toàn bị chửi bố mẹ bảo chả nghe. Chúng nó hay chửi “Bố thằng khố rách áo ôm” các thứ các thứ. Giờ nó giải tán hết rồi, không còn ấy nữa đỡ ngứa mắt. Chắc nhà nó giàu nó khinh người nghèo thôi. Với bạn bè nó giàu thì nó chơi, không thì nó cũng đuối đi như em thôi, chả khác gì. Em muốn mấy đứa đấy không riêng gì em mà cả những người khác nữa không nên vì nhà giàu mà làm như vậy, không nên chửi bậy, phân biệt giàu nghèo, các cụ có câu “Không ai giàu 3 đời mà không ai khó 3 đời nên chả lo”. Thằng này tên là Quang ở xóm bên cạnh, hàng ngày nó hay đi chơi xe đạp với mấy đứa nhà giàu khác. Em xách thùng nước đi xin nước, về gặp chúng nó chửi em thôi. Có hôm em đi về có hôm bực quá táng nhau. Có hôm em không chửi thì bố mẹ em, hàng xóm lên chửi bố mẹ nhà nó...Bố mẹ chỉ an ủi “Bây giờ thế rồi thì chấp nhận”.

Nó có kiểu phân biệt nữa giữa người nhìn thấy với người không nhìn thấy. Mấy đứa học cùng em thì nó chả sao đâu thì nó biết em rồi nó không dám trêu, còn những đứa không biết em nó trêu “Êu, thằng mù” em bảo kệ, chúng mày thích tao cho chúng mày giống tao giờ. Chúng nó trêu lúc ở nhà từ khi em bị kém mắt, tầm hơn 5 tuổi. Chỗ nào gặp em là nó trêu, trêu ở mọi lúc mọi nơi. Bố em ra bảo kê em, đe dọa hoặc choảng ngay những đứa trêu em là mù mắt, mắt nổ mắt xịt là bố em sẵn sàng lấy cái dép tông lên là hồng mặt ngay tại chỗ. Âm khí kinh lắm, nhà em có hội phi dép, phi đầu trúng đấy”. (nam, 2002, Hà Nội, Khiếm thị)

Có những yếu tố chưa được liệt kê ở trên khi đề cập tới nguyên nhân của sự PBĐX nhưng được người trẻ nói tới trong các buổi phỏng vấn, nói chuyện. Đó là:

“Lớp trưởng”: Giữ chức vụ trong lớp hay là cán bộ lớp:

“Hôm đó, cô gọi lên kiểm tra miệng, con lớp trưởng không thuộc bài được về chỗ còn bọn em không thuộc bài thì bị ngồi xó lớp. Lớp trưởng không thuộc bài thì cô nói „Thôi lần sau cố gắng” còn bọn em bị chửi không ra gì „Các anh các chị học thế này sau này định thi vào trường nào? Làm được cái gì cho đời rồi phí cơm phí gạo của bố mẹ”. Quá đáng lắm. Thằng lớp phó làm hết, con lớp trưởng như một ông vua” (nữ, 2003, Hà Nội, con của người có HIV).

Ngoại hình

“Theo em, trong lớp những bạn nữ, những bạn có ngoại hình xấu hoặc mang tật gì đó thì hay bị trêu đùa. Có bạn bị khuyết tật thì một số bạn không chơi cùng, còn bị trêu đùa, kì thị” (nữ, 2001, HN).

Kết quả học tập: “Học giỏi”, “Học kém”

“Trong gia đình em thì em bị PBĐX so với chị gái và em trai em. Do em học kém hơn 2 người, nên bố mẹ không nghe em góp ý luôn cho đó là sai, bênh vực em trai em hơn” (nữ, 2001, Hà Nội).

“Ở lớp em học, các bạn học giỏi trong lớp mà bị mắc lỗi thì sẽ được các cô dễ dàng tha thứ hơn. Các bạn học kém sẽ bị mời phụ huynh dù mới chỉ phạm lỗi lần đầu” (TLN, Hà Nội).

Tình trạng sức khỏe

“Ở lớp em có con bé bị bệnh tim và vậy nên, ở lớp không ai chơi với nó, cứ nhìn là chửi. Tính nó không được đáng yêu cho lắm, nó rất mất dạy, nó vay tiền nó cũng không bao giờ trả. Nhìn nó lại kinh kinh nên không ai chơi với nó cả. Mọi người thường chửi, quay ra trêu và thỉnh thoảng tát cho nó 1 cái. Nó cam chịu lắm, chỉ chửi lại vài câu thôi chứ không làm gì. Cả lớp đều PBĐX vì lý do nó khác người, nó còn vạch cái áo ra cho xem cái sẹo ở ngực và nói nó bị bệnh tim nên uống thuốc khiến da bị như vậy. Nhìn nó ghê lắm, nhìn như cá sấu ý. Chúng nó bảo vậy nên bị lây khi tiếp xúc qua da nên chúng nó cũng tránh xa ra. Mỗi khi như vậy chắc nó cũng hơi tức, tủi thân. Các bạn thường trêu chọc, gọi tên bố mẹ hoặc gọi biệt danh “cá sấu” như em vừa gọi. Những lúc như vậy nó thường phản bác mấy câu xong im. Hình như hồi cấp 1 có đứa trêu nó ghê quá nó còn khóc. Có mấy lần nó định mách cô nhưng bị bọn nó dọa đánh, ném ếch vào cặp” thế là không dám mách nữa. Nó cứ cam chịu như vậy. Giờ nó đúp xuống lớp 8, đấy “Nó vừa xấu lại vừa ngu”. Thầy cô vào chúng nó lại hòa nhã, lật mặt như lật bánh tráng, thầy có có nhìn thấy vài lần nhưng nghĩ “chắc bạn bè trêu nhau bình thường” (nữ, 2003, Hà Nội, con của người có HIV).

3.3. Ai phân biệt đối xử với ai?

© Q THỂ LÀ
BẤT KỲ AI

“Dạ có thể là bất kì ai, tùy theo tính cách mỗi người, em cũng không biết sao họ lại làm như vậy” (nam, 2002, TPHCM, khiếm thính).

Những người có sự PBĐX đối với người khác thường là những người có quyền lực gắn với những nơi xảy ra PBĐX với người trẻ như ông bà, bố mẹ, thầy cô, bạn bè - đặc biệt là các bạn nam, người lớn. “Em nghĩ là những người có giai cấp lớn” (nữ, 2002, TPHCM).

“Bạn bè thì ít PBĐX với nhau, hầu như chỉ có người lớn thôi” (nam, 2000, HN).

Người lớn là “giáo viên”

“Cô hay chê chúng em học kém, cô bảo cái ngữ như chúng mày thì còn lâu có cửa thi đỗ vào các trường công” (TLN, TPHCM).

NGƯỜI LỚN

Người lớn là bố mẹ, ông bà

“Ông bà nội thiên vị, thương anh em hơn em” (TLN, thành phố Hồ Chí Minh). “Sao bố thiên vị nó không thiên vị con”. Bố em trả lời “Vì mẹ mày bảo thế nên tao biết thế” (nam, 2002, Hà Nội, Khiếm thị).



BẠN BÈ

“Bạn bè hay PBĐX với nhau vì có thứ thú vị để chơi... Các bạn trêu em, nói em học ngu, bị viêm cánh, đánh em, giật tóc, gạt chân em. Em cảm thấy bức xúc và nói với bố mẹ và cô giáo. Bố mẹ và cô giáo nói các bạn ko được trêu và PBĐX, sau đó các bạn cảm thấy có lỗi và xin lỗi em là lần sau các bạn không làm thế, ko trêu cậu. Sau đó em cảm thấy cô nên tha thứ cho các bạn ý. Sau đó việc trêu chọc em bớt hẳn đi. Chuyện đó xảy ra từ khi em học lớp 3 đến lớp 5”. (nữ, 2003, Hà Nội, con của người có HIV).

3.4. PBĐX xảy ra ở đâu?

Cũng theo các đáp viên, sự PBĐX có thể là bất cứ nơi đâu như gia đình, trường lớp, hàng xóm, ngoài xã hội.

PBĐX xảy ra trong môi trường giáo dục, đặc biệt trong trường học và trong lớp học, khi giáo viên được coi là một người có quyền lực hơn so với học sinh, lớp trưởng

có quyền lực hơn so với các bạn khác trong lớp.

Tại cộng đồng, nơi các em sống cùng gia đình của mình

“Thỉnh thoảng em đứng trong ngõ, đôi khi các bạn đi qua thì bảo “mắt lác”, đôi khi họ lấy cành cây hoặc đá để đá trên em” (nữ khiếm thị, 2002, Hà Nội).

Câu chuyện về trải nghiệm của những người trẻ học tập trong Trung tâm giáo dục thường xuyên (lớp học ban đêm).

Trường giáo dục thường xuyên và mái ấm tình thương là khác nhau. Cần kiểm tra và viết lại cho chuẩn. Trường giáo dục thường xuyên thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (được đề cập trong luật giáo dục). Mái ấm tình thương thường mang tính tự phát. Ở đây, nhóm trẻ nói về vấn đề tại trường giáo dục thường xuyên - một loại trường công.

Các bạn đều xuất thân từ những gia đình công nhân, lao động, buôn bán nhỏ lẻ và hầu hết đều từ các tỉnh về thành phố kiếm sống và học tập. Các bạn được học tập trong mái ấm tình thương nhờ vào lòng hảo tâm của các sư. Một lớp học có thể bao gồm các độ tuổi khác nhau. Do cần bằng tốt nghiệp, bằng chính quy mà trường trong mái ấm không đủ điều kiện cấp, các bạn phải học thêm buổi tối tại trung tâm giáo dục thường xuyên thuộc hệ thống giáo dục quốc dân để có thể tốt nghiệp và nhận bằng. Tuy nhiên, các bạn chia sẻ về sự PBĐX mà giáo viên tại các trung tâm giáo dục thường xuyên, lớp buổi tối dành cho các bạn. Giáo viên thường xuyên chê năng lực học tập của các bạn cũng như mĩa mai khả năng tiếp tục thi lên cấp học cao hơn. “Cô hay chê chúng em học kém, cô bảo cái ngữ như chúng mày thì còn lâu có cửa thi đỗ vào các trường công”. Trong tất cả các trường hợp phỏng vấn và thảo luận mà nhóm nghiên cứu thực hiện, có duy nhất một bạn thẳng thắn nêu lên quan điểm của mình với cô giáo về thái độ của cô cũng như chia sẻ với cha mẹ mình về việc bị PBĐX như vậy. Sau khi chia sẻ với cha mẹ, cha mẹ của bạn cũng đã đến gặp cô giáo và hiệu trưởng trung tâm giáo dục để phản ánh và góp ý về thái độ của cô giáo. Tuy vậy, sự việc không được giải quyết triệt để. Cô giáo tiếp tục phân nân trước lớp về việc bị phụ huynh góp ý về thái độ. Bên cạnh đó, lãnh đạo nhà trường cũng không có giải thích và hành động thỏa đáng đối với cô giáo đó mà vô tình ủng hộ và hậu thuẫn cho hành động của cô. Thầy hiệu trưởng cũng hành động nhắc nhở cô giáo, cô giáo có hạn chế về lời nói nhưng các bạn vẫn không cảm thấy được tôn trọng. Các bạn không có lựa chọn khác vẫn phải tiếp tục đi học và tiếp tục nhận sự PBĐX cũng như sự miệt thị của giáo viên. (TLN, TPHCM)

3.5. PBĐX thể hiện ở những hình thức nào?

Hình thức của sự PBĐX thể hiện rất khác nhau: qua lời nói, thái độ và hành vi, thậm chí bao gồm hành động bạo lực của người hoặc một nhóm người có sự PBĐX. Từ đó, người chịu sự PBĐX có thể “cảm nhận” sự PBĐX hay thấy điều đó một cách rõ ràng, có thể là từ việc thiên vị của giáo viên đối với học sinh khi kiểm tra, xử phạt cho tới những lời nói miệt thị, chê bai của người lớn nhằm làm tổn thương trẻ; từ việc sử dụng bạo lực thể chất với các bạn nữ hay là sự bỏ bê, không chăm sóc của người lớn trong gia đình đối với trẻ.

Áp lực nhóm, cũng là một hình thức của việc PBĐX, khi cá nhân bị “*kì thị, tẩy chay, cô lập, nói xấu*” (TLN, Hà Nội) hay thậm chí “*đấm, tát*” bởi một nhóm.

“Thực ra thì ngày trước em đã từng ở trong môi trường dưới quê. Những bạn lớn mà thiếu năng, làm những hành động không ai làm. Ở trong môi trường sống đây giữa những người thường như em và các bạn thiếu năng đấy. Nó làm những hành động phi lý như trèo và cắt đứt dây điện, ném bi vào bồn cầu, chọc tay nắm cầu thang. Khi ngồi trong lớp học thì những thể loại đấy sẽ ngồi chỗ riêng. Những người kiểu đấy là có giờ sinh hoạt riêng. Nhưng người bị đau thì cho ra một góc muốn làm gì thì làm còn những người bình thường này thì ngồi nói chuyện với nhau. Theo em thì do bản tính của người ta là không chơi được với ai, tất cả đều PBĐX với các bạn ý. Cả một tập thể nhiều người PBĐX với các bạn ấy. Khi đang nói mà các bạn thiếu năng đến gần là nó đấm, tát, nó đuổi như đuổi chó. Mình cũng cùng cảnh như người ta mình không thấy gì thì nên giúp được gì thì giúp chứ không nên đuổi người ta ra một góc.” (Nam, 2004, Hà Nội).

3.6. PBĐX “tích cực” hay “tiêu cực”?

“Được PBĐX” – tích cực

“Em được PBĐX... Ở nhà thì được ông bà bố mẹ quan tâm đến, ông bà giúp đỡ em nhiều trong sinh hoạt đời sống. Được tiền trợ cấp hàng tháng. Khiếm thị ra ngoài đường được người ta cho đi trước.” (nam, 2004, Hà Nội)

“Bị PBĐX” - tiêu cực

“PBĐX là kiểu một người phân biệt theo hướng tiêu cực còn lại, mọi người ngày xưa phân biệt là trọng nam khinh nữ”. (Nam 2002 – Hà Nội)

Giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật là phương thức giáo dục chung người khuyết tật với người không khuyết tật trong cơ sở giáo dục². Tại lớp học hòa nhập³, sự PBĐX được nhìn nhận rất khác nhau từ cả hai phía. Trong khi, học sinh khuyết tật có thể nhận thấy mặt “tích cực” của sự PBĐX “làm bài kiểm tra thì các thầy cô giảm số câu hỏi cho để làm. Nhờ các thầy cô được nhiệt tình giúp” (Nam, 2004, Hà Nội).

Những học sinh không khuyết tật coi đó là mặt tiêu cực của sự PBĐX hay còn gọi là sự “bất công” với diễn giải rằng, người bạn khuyết tật của mình không cần học cũng được lên lớp, trong khi các bạn không khuyết tật cố gắng học rất nhiều mới được lên lớp. Hệ quả là các bạn không khuyết tật trong lớp “tấy chay” và “cô lập” người bạn khuyết tật của mình. (nam, 2007, Hà Nội).

3.7. PBĐX mang lại điều gì?

Dù hình thức PBĐX là gì nhưng với những người trẻ bị PBĐX, trải nghiệm bị PBĐX mang lại những cảm xúc và hành vi tiêu cực không mong muốn và không có lợi cho sự phát triển của họ. Những hậu quả thường được nhắc đến đối với những người bị PBĐX là buồn, cảm thấy bị xúc phạm, tức giận, bức xúc, tự ti và dần sẽ khiến họ xa lánh tập thể và mất lòng tin vào người khác.

“Cảm xúc bị xúc phạm, bức bối, buồn” (TLN, TPHCM).

“Rất bức xúc, khó chịu không hiểu sao giáo viên lại đối xử như vậy, có suy nghĩ là giáo viên khinh những người nghèo vì không có tiền đi học” (nữ, 2002, TPHCM).

“Thấy buồn, mặc cảm, tức giận, khóc” (nam, 2002, TPHCM).

“Họ sẽ sống cô độc hoàn toàn không lộ mặt ra ngoài, không nói chuyện với ai” (nam khiếm thính, 2004, Hà Nội).

“Tủi thân và chủ động dần dần xa lánh mọi người” (nam, 2002, Hà Nội).

“Bạn ấy sẽ rất buồn, có thể tự kỉ, tự ti, mất lòng tin vào người khác” (nữ, 2002, Hà Nội).

(2) Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT quy định về Giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật
(3) Lớp học có người khuyết tật học tập cùng với người không khuyết tật trong cơ sở giáo dục theo Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT quy định về Giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật

3.8. Phản ứng đối với sự PBĐX ra sao?

Khi đối mặt với PBĐX, phản ứng của người trẻ trong từng trường hợp cũng rất khác nhau tùy theo lý do mà họ bị PBĐX.

Đa phần người trẻ trong mẫu nghiên cứu lựa chọn không nói chuyện với ai do họ quan niệm mọi người xung quanh đều đã biết đến trải nghiệm bị PBĐX của họ và việc nói ra sẽ không giúp giải quyết được vấn đề. Nhiều người chọn giải pháp im lặng và tự tách mình ra khỏi tập thể. Trong rất nhiều phản ứng thì lựa chọn im lặng và thu mình là cách giải quyết rất tiêu cực; đáng buồn là phần đông người trẻ lựa chọn cách này.

“Bạn sống khép kín, không nói ra vì do cách sống của bạn ấy, do bạn ngại chia sẻ, bạn cảm thấy tự ti” (nữ, 2002, HN).

“Những người bị phân biệt thường ko dám lên tiếng nói ra vì họ nghĩ họ đã bị cô lập thì dù có nói ra cũng ko ai hiểu họ, họ bị sợ hãi đám đông nên sẽ tự cô lập bản thân” (nam, 2002, HN).

“Sẽ không nhờ ai giúp đỡ vì sợ không giải quyết vấn đề mà còn khiến nó tệ hơn, xấu hơn. Họ mất niềm tin và sự trợ giúp và khi nó vượt qua tầm giải quyết thì mình không thể tác động vào nó” (nam, 2000, HN).
“Điên, muốn táng luôn. Em chẳng nói chuyện với ai, mọi người đều biết rồi nên không cần nói cho nó buồn”. (nam khiếm thị, 2002, HN).

“Em rất ít tìm ai để giúp đỡ vì em không muốn làm lớn chuyện này thêm” (nam, 2004, TPHCM).

Nguyên nhân sâu xa của việc không nói chuyện và chia sẻ với người khác về tình trạng PBĐX là người trẻ chưa có một địa chỉ đáng tin cậy có thể chia sẻ, họ cũng không tin sẽ có người nào đó giúp được họ thoát khỏi việc bị PBĐX. Bên cạnh đó, nhiều người trẻ phần nào nhận thức được hành vi PBĐX liên quan đến vấn đề quyền lực, người gây ra PBĐX là người có quyền lực nhiều hơn nên sự thay đổi hay xóa bỏ PBĐX, nếu có, chỉ có thể trông cậy vào chính những người có quyền lực đó. Sự phản kháng của người trẻ, theo suy nghĩ của họ nhiều khi khiến họ càng bị PBĐX hơn.

“Tụi em không dám hỏi hoặc nói với giáo viên vì sợ bị đi. Tụi em chỉ nói với bạn bè, kể cả phụ huynh vì sợ phụ huynh lên trường kiện cáo” (nữ, 2002, TPHCM).

“Thường thì các bạn không dám phản kháng bởi vì những người phân biệt thường là người có giai cấp lớn, hoặc là một nhóm đông nên không dám” (nữ, 2002, TPHCM).

Một số ít những người có chia sẻ với người khác về trải nghiệm PBĐX lựa chọn bạn bè để tâm sự. Trong môi trường xung quanh người trẻ, cha mẹ lẫn thầy cô đều không phải là địa chỉ tin cậy họ có thể chia sẻ cũng như tìm kiếm giải pháp cho việc bị PBĐX.

“Nhiều khi em nói với bạn vì bố mẹ không bao giờ hiểu được trẻ em” (nữ, 2002, HN).

PHẦN 4



SỰ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ VÀ QUYỀN TRẺ EM

HIỂU BIẾT CHUNG VỀ QTE

Với những nỗ lực đưa QTE vào nội dung, chương trình học tập tại nhà trường, những người trẻ còn đang đi học trong mẫu nghiên cứu đều có biết về QTE và có thể liệt kê những quyền cơ bản của trẻ em. Tuy vậy, việc có thể nêu tên các quyền với việc hiểu thấu đáo và áp dụng vào thực tế các quyền này vẫn còn là một câu hỏi. Bên cạnh đó, trong số các quyền được người trẻ nêu trong các cuộc phỏng vấn thì chỉ có 1-2 trường hợp có đề cập đến không bị PBĐX như là một quyền của trẻ em. Đa phần các trường hợp khác không liệt kê đến quyền không bị PBĐX.

“Dạ biết: quyền sống còn, quyền vui chơi, quyền học tập, quyền được khai sinh, quyền được chăm sóc” (nữ, 2002, TPHCM).

“Được nuôi lớn, có quốc tịch, có dạy dỗ, được đi học, được giao tiếp với thế giới bên ngoài” (nam, 2004, TPHCM).

“Quyền được bảo vệ, quyền được nuôi dưỡng” (nam, 2002, HN).

“Trẻ em có quyền được đối xử công bằng” (nam, 2000, HN).

PHẦN 5

KẾT LUẬN

1

Các câu chuyện về sự PBĐX được nêu trong nghiên cứu có vẻ như là một câu chuyện được lặp lại nhiều lần. Song, thực tế, đó là nhiều câu chuyện của nhiều người, có những đặc điểm khác nhau được kể lại. Sự lặp lại hay giống nhau này mang một ý nghĩa chung về cách thức nhìn nhận về sự khác biệt, về sự ứng xử với sự khác biệt đó.

2

Người trẻ trong nghiên cứu này có thể đưa ra những định nghĩa đơn giản, dễ hiểu về PBĐX cùng với những ví dụ cụ thể mình họa. PBĐX theo họ là sự thiên vị, đối xử không công bằng và không giống nhau giữa người này với người kia.

3

Khái niệm PBĐX được đưa ra theo sự so sánh trong một mối quan hệ có hai người hoặc nhiều người hơn hai người. Tuy nhiên, trong những khái niệm này, người đưa ra quyết định hay tạo ra sự PBĐX hầu hết là ẩn, chưa được đề cập đến.

4

Sự PBĐX trong các câu chuyện của những người trẻ trong nghiên cứu này thường được xuất hiện trong bối cảnh các em chịu ảnh hưởng nhiều nhất trong độ tuổi của các em: gia đình và nhà trường. Đây là những nơi ảnh hưởng lớn nhất đến sự phát triển toàn diện của các em. Từ đó, mỗi quan hệ thường xảy ra trong hai môi trường này, đó là mối quan hệ giữa cha, mẹ - con cái; anh, chị, em; thầy, cô giáo - học sinh, giữa các học sinh với nhau.

5

Liên quan đến giáo dục hoà nhập, học sinh khuyết tật với học sinh không khuyết tật, sự PBĐX được nhìn nhận rất khác nhau từ cả hai phía.

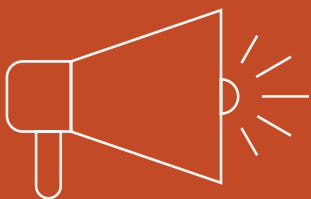
6

Có một điểm lưu ý trong khi phỏng vấn người trẻ là cụm từ "PBĐX" tương đối trừu tượng và có thể gây khó khăn cho một số người trong việc đưa ra định nghĩa. Trong quá trình phỏng vấn, nhiều đáp viên lựa chọn một số từ đồng nghĩa nhưng rõ ràng và dễ hiểu hơn với họ như đối xử không công bằng, thiên vị, thương người này hơn người khác. So sánh với nguyên tắc "không PBĐX" trong các văn bản quốc tế về nhân quyền, đặc biệt trong CRC thì những định nghĩa mà người trẻ trong mẫu nghiên cứu nêu lên không có sự khác biệt về mặt nội hàm. Tuy vậy, dưới góc nhìn và khả năng ngôn ngữ, tư duy của người trẻ thì khái niệm PBĐX có thể được diễn đạt cũng như được hiểu thông qua những từ đồng nghĩa phù hợp với họ hơn.

Việc sử dụng cách tiếp cận xây dựng lý thuyết quy nạp (grounded theory) cũng như việc tôn trọng tối đa quan điểm của người trẻ giúp nghiên cứu này thu thập được những thông tin bổ ích nhằm hiểu rõ hơn quan niệm của người trẻ về PBĐX. Các định nghĩa cùng các cụm từ đồng nghĩa do chính người trẻ nêu ra có chung nội hàm với định nghĩa về PBĐX của CRC, tài liệu của Ủy ban Nhân quyền và các văn bản quốc tế khác nhưng lại được thể hiện rất gần gũi, dễ hiểu, rõ ràng, phù hợp lứa tuổi. Phát hiện này rất có ý nghĩa đối với việc thiết kế các chương trình truyền thông nâng cao nhận thức của người trẻ về PBĐX cũng như trong việc nâng cao nhận thức và tính hiệu quả truyền thông của những người trực tiếp tiếp xúc và làm việc với người trẻ như bố mẹ, thầy cô, cơ quan chức năng.

Nghiên cứu này cũng tìm ra một số nguyên nhân của sự PBĐX với người trẻ dưới góc nhìn của họ. Đó là những khác biệt về đặc điểm của cá nhân như điều kiện kinh tế, điều kiện sức khỏe, xuất thân, dân tộc, giới tính, năng lực học tập... Các đặc điểm này cũng là những đặc điểm được nêu trong điều 2 của CRC và được nhận diện trong các báo cáo của Unicef hay Save the Children International. Tuy vậy, thông qua những ví dụ cụ thể, những người trẻ đã làm cho việc nhận diện lý do của PBĐX dễ dàng hơn, cụ thể hơn, và trực quan hơn. Các ví dụ đều được lấy từ các môi trường gần gũi và quan trọng đối với trẻ. Do vậy, hướng đến một cách tiếp cận truyền thông nâng cao nhận thức với trẻ thông qua các ví dụ cụ thể, qua trường hợp, qua các hình thức trình bày trực quan là gợi ý tốt đối với các chiến dịch phổ biến về không PBĐX.

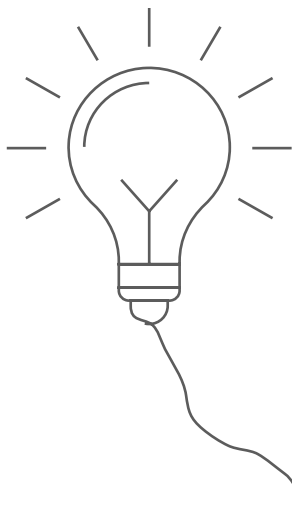
Môi trường thiếu tin cậy, chia sẻ và hỗ trợ trẻ ở cả trong gia đình, nhà trường và ngoài xã hội theo mô tả của người trẻ chính là những yếu tố tác động tiêu cực đến tình hình PBĐX với trẻ. Đó cũng là lí do mà người trẻ hầu hết lựa chọn việc im lặng, không làm gì cả khi bị PBĐX. Tương đồng với những giải pháp mà người trẻ nêu lên, việc tác động làm thay đổi môi trường xung quanh trẻ cùng những thay đổi trong nhận thức và hành vi của người lớn như thầy cô, cha mẹ và sự đồng hành của các nhóm tư vấn trường học với vai trò là người giúp đỡ cũng giúp cải thiện tình trạng PBĐX với trẻ. Những gợi ý này cho thấy sự cần thiết phải có những chiến dịch hành động có tác động mạnh mẽ và đồng bộ tới mọi môi trường xung quanh trẻ hướng tới việc đảm bảo sự công bằng trong đối xử với trẻ.



KHUYẾN NGHỊ

PHẦN 6

6.1. Khuyến nghị và giải pháp được người trẻ đưa ra



“Em hỏi chính em mà vẫn chưa trả lời được là ai có thể bảo vệ em. Em muốn thầy cô, bạn bè, người thân bảo vệ em. Thầy cô dạy, dỗ. Bạn bè vui chơi, học tập cùng. Người thân chăm sóc, chỉ bảo, nuôi dưỡng em”.
(nam, 2002, Hà Nội, Khiếm thị)

Khi được hỏi về giải pháp để chống hoặc xóa bỏ PBĐX, người trẻ nêu ra một số giải pháp trong đó phần lớn các giải pháp tập trung vào những người có quyền lực để đảm bảo họ duy trì môi trường và cách đối xử bình đẳng với những người trẻ. Đó có thể là bố mẹ, thầy cô, người lớn, các cơ quan chức năng.

Với người lớn

“Người lớn mà đã PBĐX với trẻ em thì do định kiến của họ, rất khó để thay đổi họ và thường ko thể làm gì để họ mất đi suy nghĩ PBĐX” (nam, 2002, Hà Nội).

“Người ta cần phải thuyết phục nhau, thuyết phục người lớn, để hiểu rõ và chấm dứt PBĐX” (nam, 2002, TPHCM).

“Tuyên truyền, dạy, kỷ luật những người đi PBĐX với người khác. Mở lớp tuyên truyền, đề ra các luật chống PBĐX. Để không bị PBĐX thì tử tế, chân thật, hiền lành, hòa đồng” (nam, 2002, TPHCM).

“Cần có những buổi nâng cao ý thức, các bài tập thực tế tạo các buổi họp nhóm. Cần có sự trợ giúp về tâm lý. Cần một người cao hơn để đảm bảo cho sự công bằng về thực thi” (TLN, Hà Nội)

Người lớn là giáo viên

“Giáo viên phải đối xử với mọi người như nhau” (nữ, 2002, TPHCM).

“Thầy cô thì nên tâm sự với các bạn bị PBĐX để các bạn tự tin hơn và khuyên các bạn có hành vi PBĐX để các bạn ấy hiểu, quan tâm hơn đến học sinh” (nam, 2002, Hà Nội).

Người lớn là cha mẹ

“Bố mẹ cũng cần quan tâm đến suy nghĩ của con cái và tình trạng của con cái để hiểu con cái hơn mới có thể giải quyết được vấn đề của con cái” (nam, 2002, Hà Nội).

Với chính bản thân người trẻ

“Em không muốn bị trêu, đối xử khác người. Kịch liệt phản đối chúng nó, em là người con gái mạnh mẽ không như con bé kia”. (nữ, 2003, Hà Nội, con của người có HIV).

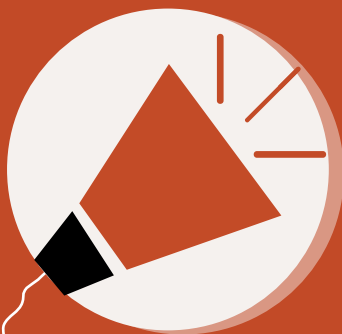
“Bản thân trẻ em phải đứng lên nói ra ý kiến cá nhân trước. Các trường học cần có 1 nhóm tư vấn để các bạn bị PBĐX có thể tìm đến chia sẻ, tâm sự và trải lòng” (nam, 2002, HN).

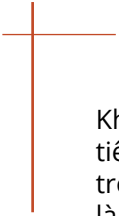
Trong các giải pháp được người trẻ đưa ra cũng có những gợi ý về hành xử của người bị PBĐX là cần chủ động hơn trong việc nói lên ý kiến cá nhân. Ngoài ra, sự quan tâm của bố mẹ, thầy cô và sự trợ giúp của nhóm tư vấn trường học là rất cần thiết để giúp đỡ những bạn bị PBĐX.



6.2. Khuyến nghị từ nhóm nghiên cứu

Trong các chia sẻ của người trẻ trong mẫu nghiên cứu, hậu quả của việc bị PBĐX là tiêu cực, nó khiến người trẻ thiếu tự tin, mặc cảm, tức giận, cảm thấy oan ức và dần dẫn tới hành vi thu mình, tự xa lánh với môi trường xung quanh. Bản thân nạn nhân của PBĐX khó có thể tự giúp mình thoát khỏi tình trạng này.





Khuyến nghị đầu tiên và quan trọng trong các giải pháp là tác động tới tác nhân của hành vi PBĐX, đó chính là những người ở vị trí quyền lực hơn trẻ như thầy cô, bố mẹ, người lớn... **Việc nâng cao nhận thức hướng đến thay đổi hành vi** ở họ là rất cần thiết. Ngoài ra, cũng rất cần có những biện pháp mang tính bắt buộc (luật, quy định) hay chế tài để ngăn chặn những hành vi PBĐX với trẻ.

Kênh an toàn, bảo mật, đáng tin cậy để trẻ em có thể lên tiếng và nhận được sự hỗ trợ khi bị PBĐX nói riêng và bị vi phạm QTE nói chung là cần thiết. Điều này đảm bảo giảm thiểu trường hợp “trẻ em im lặng” hay sử dụng những kênh khác để lên tiếng mà hệ quả là chính bản thân các em có thể bị “tấn công ngược” hay quyền riêng tư không bị đảm bảo.

Với cha, mẹ của trẻ: hãy nói chuyện, tâm sự với trẻ em, tìm hiểu những vấn đề trẻ phải đối mặt dưới con mắt, suy nghĩ của trẻ không dựa trên phán xét của một người trưởng thành. Hãy trở thành bạn của trẻ.

“Nhiều khi em nói với bạn, bố mẹ không bao giờ hiểu được trẻ con” (nữ, 2003, Hà Nội, con của người có HIV).



Nghiên cứu này là một trong số ít các nghiên cứu sử dụng cách tiếp cận xây dựng lý thuyết quy nạp (grounded theory) và cách thu thập thông tin tôn trọng tối đa ý kiến của người trẻ trên thế giới khi nghiên cứu về quan điểm của người trẻ về PBĐX. Các bằng chứng thu thập được cho thấy rằng, cần phải sử dụng góc nhìn, nhận thức, ngôn ngữ và mối quan tâm của trẻ đối với những vấn đề có liên quan tới trẻ. Chỉ khi những người lập chính sách, những nhà làm luật, nhà hoạt động xã hội và nhà nghiên cứu sử dụng lăng kính của trẻ trong các vấn đề liên quan đến trẻ thì họ mới có thể hiểu và nắm bắt được hết nhu cầu của trẻ, từ đó đề ra những giải pháp phù hợp với trẻ và nhằm giải quyết tận gốc những vấn đề của trẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Brown, C. S., & Bigler, R. S. (2005). *Children's perceptions of discrimination: A developmental model*. *Child Development*, 533-553.

Sheahan, F. (2008). *Translating the Right to Non-Discrimination into Reality*. Save the Children Sweden.

Unicef. (2007). *The Convention on the Rights of the Child turns 18*. Retrieved 6 15, 2018, from https://www.unicef.org/vietnam/vi/crc18_background_vn.pdf

Bản quyền Báo cáo Nghiên cứu thuộc về:



**Viện Nghiên cứu Quản lý
Phát triển bền vững (MSD)**



**Save the
Children**

**Tổ chức Cứu trợ Trẻ em
Quốc tế**

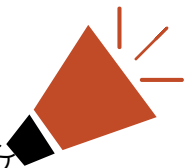
THÔNG TIN LIÊN HỆ:

Viện Nghiên cứu Quản lý Phát triển bền vững

A: Tầng 6, Số 15 Yên Lãng, Đống Đa, Hà Nội

T: (84-24)-6276 9056 - E: contact@msdvietnam.org

W: msdvietnam.org - FB: Msd Vietnam



LÊN TIẾNG VỀ SỰ PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

Nghiên cứu về nhận thức của người trẻ về
sự phân biệt đối xử tại Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh



Hà Nội
2019